

Số: 251/2025/QĐST-KDTM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 409/2024/TLST-KDTM ngày 30/10/2024 về việc: “MERGEFIELD QUAN_HỆ_PHÁP_LuẬT Tranh chấp về hợp đồng tín dụng;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Như T – Địa chỉ liên hệ: Số B đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Đ

Địa chỉ: Số B Quốc lộ A, phường H (trước là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn L – Địa chỉ: Số B Quốc lộ A, phường H (trước là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

• Bà Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1961 - Địa chỉ thường trú: Số C đường C, phường N (trước là Phường A, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn L – Địa chỉ: Số B Quốc lộ A, phường H (trước là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

• Ông Nguyễn Văn B – Sinh năm: 1961 - Địa chỉ thường trú: Số B Quốc lộ A, phường H (trước là khu phố B, phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L – Địa chỉ: Số B Quốc lộ A, phường H (trước là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn L – Địa chỉ: Số B Quốc lộ A, phường H (trước là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ngân hàng N và Công ty TNHH Đ thống nhất tính đến hết ngày 10/12/2025, Công ty TNHH Đ còn nợ Ngân hàng N số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 1940-LAV-202200205 ngày 29/6/2022 là 41.998.748.583đ (Bốn mươi một tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi tám ngàn, năm trăm tám mươi ba đồng), tiền lãi trong hạn là 9.120.981.611đ (Chín tỷ, một trăm hai mươi triệu, chín trăm tám mươi một ngàn, sáu trăm mười một đồng), tiền lãi quá hạn là 2.758.615.462đ (Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm mười lăm ngàn, bốn trăm sáu mươi hai đồng), tổng cộng tính đến hết ngày 10/12/2025 là 53.878.345.656đ (Năm mươi ba tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm năm mươi sáu đồng).

2.2 Công ty TNHH Đ1 đồng ý thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tính đến ngày 10/12/2025 là 53.878.345.656đ (Năm mươi ba tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm năm mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/12/2025 đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1940-LAV-202200205 ngày 29/6/2022.

2.3 Công ty TNHH Đ1 T1 đồng ý trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng N cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.4 Ngân hàng N và Công ty TNHH Đ thống nhất Công ty TNHH Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền tính đến ngày 10/12/2025 là 53.878.345.656đ (Năm mươi ba tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm năm mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/12/2025 đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán và tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, hạn chót vào ngày 31/3/2026.

2.5 Việc thanh toán tiền do Ngân hàng N và Công ty TNHH Đ tự thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền

2.6 Trường hợp Công ty TNHH Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1940-LCL-202000091 ngày 30/3/2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1940-LCL-202000089 ngày 30/3/2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1940-

LCL-202000092 ngày 30/3/2020 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1940-LCL-202000089/BS ngày 18/8/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1940-LCL-202000091/BS2025 ngày 10/11/2025, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1940-LCL-202000092/BS2025 ngày 10/11/2025 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 501 tờ bản đồ số 130 (Tài liệu BĐDC đo năm 2005) tại số B Quốc lộ A, KP5, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AG 120654 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H04992 do UBND quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 503 tờ bản đồ số 130 tại số B Quốc lộ A, KP5, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H) theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số phát hành 797622680900160 số vào sổ cấp GCN 2292/2007/GCN do UBND quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/07/2007; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 504 tờ bản đồ số 130 (Tài liệu BĐDC đo năm 2005) tại số B Quốc lộ A, KP5, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AH 740830 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01485 do UBND quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2007.

2.7 Ngay sau khi Công ty TNHH Đ hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng N có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị M các tài liệu liên quan đến tài sản bảo đảm đang lưu giữ.

2.8 Án phí kinh doanh thương mại là 80.939.173đ (T2 mươi triệu, chín trăm ba mươi chín ngàn, một trăm bảy mươi ba đồng) do Công ty TNHH Đ; trả lại cho Ngân hàng N tạm ứng án phí đã nộp là 77.301.355đ (Bảy mươi bảy triệu, ba trăm lẻ một ngàn, ba trăm năm mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044668 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 2-TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh